

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Thi công xây lắp các công trình ngầm, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, đường dây, trạm biến áp đến 110KV; Kinh doanh vật tư trong xây dựng.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 158 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 185 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	8-12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-10

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê văn phòng

Là toàn bộ chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thanh toán tiền thuê văn phòng tại tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội theo hợp đồng thuê văn phòng số 44HĐTVP/CC9-ĐT ngày 09 tháng 6 năm 2008 ký kết với Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, dự kiến đến hết năm 2056.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.815 VND/USD
27.855 VND/EUR
30/6/2013 : 21.150 VND/USD
27.433 VND/EUR

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty là các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.361.607.159	878.713.399
Tiền gửi ngân hàng	264.873.553	1.830.481.082
Cộng	3.626.480.712	2.709.194.481

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Quốc tế An Thịnh	2.360.000.000	2.360.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu mới Vinavico	1.077.935.369	1.077.935.369
Công ty Cổ phần đa phương tiện truyền thông Vinaco	150.000.000	150.000.000
Ông Trần Văn Khánh	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	100.000.000	-
Cá nhân khác	222.400.000	148.000.000
Cộng	4.010.335.369	3.835.935.369

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	(2.406.554.759)	(1.768.967.685)
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu mới Vinavico</i>	<i>(754.554.759)</i>	<i>(588.967.685)</i>
<i>Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Quốc tế An Thịnh</i>	<i>(1.652.000.000)</i>	<i>(1.180.000.000)</i>
Cộng	(2.406.554.759)	(1.768.967.685)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.768.967.685)	(1.971.967.685)
Trích lập dự phòng bổ sung	(637.587.074)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	203.000.000
Số cuối kỳ	(2.406.554.759)	(1.768.967.685)

4. Phải thu khách hàng

Là khoản phải thu về doanh thu xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước các nhà thầu phụ về hoạt động xây lắp	16.808.375.492	17.860.991.599
Trả trước về cung cấp hàng hóa, dịch vụ	12.016.227.996	5.601.821.142
Cộng	28.824.603.488	23.462.812.741

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico	3.699.918.000	3.699.918.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin Vinavico	635.781.361	-
Ông Tạ Văn Chấn - Tiền bồi thường	322.400.000	347.900.000
Ông Dương Minh Toan - Tiền bồi thường	419.648.434	419.648.434
Lãi dự thu các khoản cho vay ngắn hạn	387.658.799	363.195.356
Ông Trần Quyết Thắng - Tiền bồi thường	256.705.347	256.705.347
Ông Nguyễn Hùng Tiến - Tiền chuyển nhượng cổ phần	165.556.331	165.556.331
Phải thu cán bộ CNV tiền bảo hiểm xã hội	58.184.218	58.184.218
Phải thu khác	92.953.296	66.308.877
Cộng	6.038.805.786	5.377.416.563

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.832.600.452	12.727.166.124
Công cụ, dụng cụ	301.748.961	251.794.002
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	154.648.704.078	189.574.071.018
Hàng gửi đi bán	3.366.172.149	2.293.558.630
Cộng	169.149.225.640	204.846.589.774

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	7.007.042.136	6.292.031.568
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.691.534	66.478.234
Cộng	7.014.733.670	6.358.509.802

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	138.866.873.517	14.800.091.006	2.044.068.670	155.711.033.193
Tăng trong kỳ do mua sắm mới	637.181.818	-	-	637.181.818
Giảm trong kỳ	(7.515.705.066)	(1.084.872.615)	-	(8.600.577.681)
<i>Phân loại sang CCDC theo Thông tư 45</i>	(2.601.890.468)	-	-	(2.601.890.468)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(4.913.814.598)	(1.084.872.615)	-	(5.998.687.213)
Số cuối kỳ	131.988.350.269	13.715.218.391	2.044.068.670	147.747.637.330
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	41.943.302.133	1.206.642.833	1.531.802.998	44.681.747.964
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	100.081.367.624	6.330.477.791	1.826.401.382	108.238.246.797
Tăng trong kỳ do trích khấu hao	6.610.533.342	643.884.273	57.162.056	7.311.579.671
Giảm trong kỳ	(6.642.960.176)	(1.084.872.615)	-	(7.727.832.791)
<i>Phân loại sang CCDC theo Thông tư 45</i>	(2.268.674.197)	-	-	(2.268.674.197)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(4.374.285.979)	(1.084.872.615)	-	(5.459.158.594)
Số cuối kỳ	100.048.940.790	5.889.489.449	1.883.563.438	107.821.993.677
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	38.785.505.893	8.469.613.215	217.667.288	47.472.786.396
Số cuối kỳ	31.939.409.479	7.825.728.942	160.505.232	39.925.643.653

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải và máy móc thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng, gồm:

	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Ngân hàng NN & PT Nông thôn Việt Nam	42.536.101.916	11.216.079.180
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex Viettel	11.549.724.031	3.205.334.102
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	31.626.969.902	14.834.110.996
Ngân hàng TMCP An Bình	2.523.302.955	1.682.201.970
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.963.375.000	2.724.820.313
Cộng	92.199.473.804	33.662.546.560

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	447.604.920	144.000.000	591.604.920
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico (a)	1.084.957	11.457.565.000	1.084.957	11.457.565.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico (b)	410.908	4.109.080.000	410.908	4.109.080.000
Công ty Cổ phần khoáng sản Công nghiệp Vinavico ©	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin Vinavico Infortech (d)	66.000	660.000.000	66.000	660.000.000
Cộng		19.226.645.000		19.226.645.000

- (a) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.084.957 cổ phiếu, tương đương 24,66% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư là 4.109.080.000 VND, tương đương 4,1% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinavico là 25.890.920.000 VND.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Vinavico số tiền là 3.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin Vinavico số tiền là 1.200.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số tiền Công ty đã đầu tư là 660.000.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Thông tin Vinavico là 540.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		2.466.000.000		2.466.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2</i>	<i>181.600</i>	<i>1.816.000.000</i>	<i>181.600</i>	<i>1.816.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Vinavico</i>	<i>65.000</i>	<i>650.000.000</i>	<i>65.000</i>	<i>650.000.000</i>
Góp vốn cổ phần		3.250.000.000		3.250.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam</i>	<i>240.000</i>	<i>2.400.000.000</i>	<i>240.000</i>	<i>2.400.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt</i>	<i>50.000</i>	<i>500.000.000</i>	<i>50.000</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình</i>	<i>35.000</i>	<i>350.000.000</i>	<i>35.000</i>	<i>350.000.000</i>
Cộng		5.716.000.000		5.716.000.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
Dự phòng đầu tư cổ phiếu	(1.320.180.000)	(1.441.940.000)
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2</i>	<i>(871.680.000)</i>	<i>(1.071.440.000)</i>
<i>Công ty Cổ phần Vinavico</i>	<i>(448.500.000)</i>	<i>(370.500.000)</i>
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(8.528.181.100)	(7.985.702.600)
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico</i>	<i>(8.528.181.100)</i>	<i>(7.985.702.600)</i>
Dự phòng các khoản góp vốn cổ phần	(1.643.966.273)	(1.715.966.273)
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và thương mại Việt Nam</i>	<i>(1.560.000.000)</i>	<i>(1.632.000.000)</i>
<i>Công ty Cổ phần Khai thác đá Yên Bình</i>	<i>(83.966.273)</i>	<i>(83.966.273)</i>
Cộng	(11.492.327.373)	(11.143.608.873)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	(11.143.608.873)	(10.568.178.671)
Trích lập dự phòng bổ sung	(620.478.500)	(3.637.333.250)
Hoàn nhập dự phòng	271.760.000	3.061.903.048
Số cuối kỳ	(11.492.327.373)	(11.143.608.873)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Vật tư, công cụ, dụng cụ	1.732.333.363	-	994.035.828	738.297.535
Tiền thuê văn phòng	9.689.570.922	-	104.526.296	9.585.044.626
Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh ứng vốn	265.086.405	-	205.577.253	59.509.152
Tài sản cố định không đủ điều kiện theo Thông tư 45	-	333.216.271	-	333.216.271
Chi phí gia công lắp đặt hệ thống trần chìm thạch cao, trần dán tiêu âm	101.060.300	-	16.843.383	84.216.917
Cộng	11.788.050.990	333.216.271	1.320.982.760	10.800.284.501

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	84.280.252.895	107.892.684.201
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt</i>	<i>36.390.935.744</i>	<i>39.604.336.771</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam</i>	<i>42.010.687.409</i>	<i>49.066.687.409</i>
<i>Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>1.485.614.998</i>
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong</i>	<i>1.529.897.323</i>	<i>12.920.590.894</i>
<i>Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng</i>	<i>4.348.732.419</i>	<i>4.815.454.129</i>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	22.083.465.515	24.518.949.223
<i>Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Việt Nam</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Tài chính Vinaconex - Viettel</i>	<i>19.309.865.515</i>	<i>22.678.949.223</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiên Hưng</i>	<i>63.600.000</i>	<i>50.000.000</i>
<i>Ông Cao Đức Trọng</i>	<i>2.610.000.000</i>	<i>1.090.000.000</i>
<i>Ông Trần Mạnh Hải</i>	<i>-</i>	<i>250.000.000</i>
<i>Bà Phạm Thị Thuý Phương</i>	<i>-</i>	<i>350.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	8.346.832.000	8.930.164.000
Cộng	114.710.550.410	141.341.797.424

Chi tiết số phát sinh về các khoản

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	107.892.684.201	3.272.651.332	(26.885.082.638)	84.280.252.895
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	24.518.949.223	19.154.655.706	(21.590.139.414)	22.083.465.515
Vay dài hạn đến hạn trả	8.930.164.000	-	(583.332.000)	8.346.832.000
Cộng	141.341.797.424	22.427.307.038	(49.058.554.052)	114.710.550.410

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà thầu phụ về hoạt động xây lắp	148.556.458.421	185.951.907.985
Phải trả về cung cấp hàng hóa, dịch vụ	27.419.045.556	38.258.394.970
Cộng	175.975.503.977	224.210.302.955

17. Người mua trả tiền trước

Là khoản trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.390.148.961	7.246.063.731	-	17.636.212.692
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	49.359.134	71.831.508	-	121.190.642
Thuế xuất, nhập khẩu	8.466.600	17.410.313	-	25.876.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.536.914.837	55.679.389	-	3.592.594.226
Thuế thu nhập cá nhân	587.805.032	135.394.654	-	723.199.686
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	14.572.694.564	7.529.379.595	(3.000.000)	22.099.074.159

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	272.717.556	2.218.543.388
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Lãi vay cá nhân vượt	-	18.883.583
Lãi vay sai kỳ	-	477.774.111
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	(50.000.000)	(85.000.000)
Thu nhập chịu thuế	222.717.556	2.630.201.082
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	55.679.389	657.550.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo Nghị Định 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012	-	(197.265.081)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.679.389	460.285.190

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	15.491.267.038	11.373.552.610
Chi phí chưa hoàn chứng từ	-	551.279.856
Phí điều hành phải trả cho các dự án	6.628.973.902	463.395.601
Cộng	22.120.240.940	12.388.228.067

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.680.528.098	3.400.472.258
Kinh phí công đoàn	407.275.478	391.244.038
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.724.000	33.748.000
Vay không tính lãi	-	3.125.916.706
Phải trả, phải nộp khác	130.910.261	134.265.842
Cộng	4.238.437.837	7.085.646.844

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	36.334.430	-	(20.000.000)	16.334.430
Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	231.662.051	-	-	231.662.051
Cộng	267.996.481	-	(20.000.000)	247.996.481

22. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱ⁾	3.472.500.000	3.472.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch ⁽ⁱⁱ⁾	529.856.250	529.856.250
Ngân hàng TMCP An Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	236.118.000	236.118.000
Cộng	4.238.474.250	4.238.474.250

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để đầu tư 03 máy khoan hầm và 02 máy xúc bánh lốp theo hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Xây dựng công trình ngầm với Tổng Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng; thời hạn vay là 36 tháng. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị được đầu tư từ khoản vay này (tổng giá trị: 29.901.528.037 VND) và máy phun vẩy bê tông (có giá trị 4.173.373.932 VND).

(ii) Khoản vay Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 01CTN/2010/ĐTDA – SGD ngày 26/10/2010 để thực hiện Dự án đầu tư thiết bị thi công công trình Thủy điện Ngòi Phát, thời hạn vay là 48 tháng. Tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế với đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Địa chỉ: Tầng 11 tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 18.11/HĐTD/II ngày 26 tháng 4 năm 2011 để mua xe ô tô Mercedes Benz E300. Thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng xe ô tô Mercedes Benz E300.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	11.236.000.000	7.763.500.000	3.472.500.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	829.856.250	300.000.000	529.856.250	-
Ngân hàng TMCP An Bình	519.450.000	283.332.000	236.118.000	-
Cộng	12.585.306.250	8.346.832.000	4.238.474.250	-

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng như sau:

	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	4.238.474.250	9.052.638.250
Số tiền vay phát sinh	-	-
Số tiền vay đã trả	-	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(4.814.164.000)
Số cuối kỳ	4.238.474.250	4.238.474.250